

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 20/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Phi Đình

- Ông Nguyễn Hữu Nhị.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử hình sự Toà án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/TLST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 10/6/2024 đối với bị cáo:

Trần Văn L, Sinh ngày: 20/11/2000; Giới tính: Nam; Nơi sinh: huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định và bà: Trần Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 10/7/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 13 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 249/2017/HSST. (Thời điểm phạm tội Trần Văn L mới 16 tuổi 04 tháng 01 ngày)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an H1 (có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Chị Lê Thị N; sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Ngọc Đ; sinh năm: 1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Số A, đường M, khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Anh Trần Văn Đ1; sinh năm: 1999; Nghề nghiệp: Nhân viên của hàng máy tính Laptop Mạnh P; Địa chỉ: Số C, Bạc Liêu, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

* **Người tham gia tố tụng khác:** Cán bộ, chiến sỹ tại điểm cầu thành phần hỗ trợ phiên tòa gồm: Đ/c Trần Công K, Đ/c Phạm Minh C - cán bộ trại tạm giam Công an tỉnh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 18/3/2024, Trần Văn L đi bộ dọc đường H Tập rẽ xuống đường 26/3 nhằm mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua số nhà B đường B thuộc phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Văn L nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng đen, BKS 38M1-212.62 của chị Lê Thị N (sinh năm 1976; trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh) đang dựng ở vỉa hè, chìa khóa cắm sẵn ở ổ khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trần Văn L quan sát xung quanh không thấy ai để ý nên đi đến gần chiếc xe, nổ máy điều khiển xe chạy theo đường 26/3 lên đường Quốc lộ 1A sau đó tiếp tục chạy theo hướng ra thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trên đường đi, L dừng xe lại kiểm tra thấy trong cốp xe có một giấy đăng ký xe mang tên Trần Quốc Q (là con trai chị Lê Thị N, hiện anh Q đã tặng cho chiếc xe trên cho chị N vào năm 2021), sau đó L tiếp tục điều khiển xe đến thành phố V, tỉnh Nghệ An để bán xe lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng gần 18 giờ cùng ngày, Trần Văn L đến cửa hàng X ở số A đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An gặp anh Nguyễn Ngọc Đ (sinh năm 1992; trú tại phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An) để bán xe. L nói với anh Đ đây là xe của anh họ L, do đi nước ngoài nên tặng cho L sử dụng, do quen biết từ trước và tin tưởng L nên anh Đ đã mua chiếc xe trên với số tiền 5.300.000 đồng. Sau khi bán xe, Trần Văn L đến cửa hàng M tại số C đường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An gặp anh Trần Văn Đ1 (sinh năm 1999; trú tại phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An), mua 01 bộ máy vi tính để bàn đã qua sử dụng với số tiền 4.250.000 đồng; số tiền còn lại, L đã tiêu xài cá nhân hết

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND thành phố H kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng đen, biển kiểm soát 38M1-212.62, số khung C6K0GY317261, số máy 5C6K317271, xe cũ đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 18/3/2024 có trị giá 6.700.000 đồng.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-TPHT ngày 28/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Trần Văn Long về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1,

2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/3/2024.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo Trần Văn L là lao động tự do, hoàn cảnh khó khăn và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo và đề nghị xử lý trách nhiệm về dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận, trong phần lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Thị N1 trình bày: chiếc mô tô bị mất trộm chỉ N1 đã được nhận lại nay không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu bị cáo Trần Văn L phải hoàn trả lại số tiền 5.300.000 đồng, tiền mua chiếc xe mô tô đã bị thu hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H1, Kiểm sát viên và cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về chứng cứ xác định tội danh:

Tại phiên tòa, Trần Văn L khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/3/2024, tại trước số nhà B đường B thuộc phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Văn L đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng đen, biển kiểm soát 38M1-212.62, xe cũ đã qua sử dụng trị giá 6.700.000 đồng của chị Lê Thị N. Sau đó Trần Văn L bán xe trên cho anh Nguyễn Ngọc Đ với số tiền 5.300.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bí mật lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

3.1. Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng tình tiết giảm nhẹ, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

3.2. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo là đối tượng có nhân thân đã bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Qua đó, chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo nên cần xét xử một mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện răn đe, cải tạo và giáo dục đối với bị cáo.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: bị cáo Trần Văn L là lao động tự do, hoàn cảnh khó khăn và hiện đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử Quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5]. *Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa*: Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị đối với bị cáo là thỏa đáng.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: bị hại chị Lê Thị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên miễn xét; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 5.300.000đ tiền mua chiếc xe mô tô đã bị thu hồi. Xét giao dịch mua bán chiếc xe mô tô nói trên giữa bị cáo Trần Văn L với anh Nguyễn Ngọc Đ là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và do bị lừa dối. Khi mua bán anh Đ không biết nguồn gốc tài sản trên là do bị cáo trộm cắp mà có. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 122, 123, 127, 131 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền 5.300.000 đồng cho anh Nguyễn Ngọc Đ là đúng quy định pháp luật.

[7]. *Về vật chứng vụ án*: Cơ quan điều tra đã thu giữ tại Nguyễn Ngọc Đ và trả lại cho chị Lê Thị N 01 chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng đen, biển kiểm soát 38M1-212.62 đã qua sử dụng và giấy chứng nhận đăng ký xe là đúng quy định pháp luật.

Cần áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: Đối với 01 màn hình máy vi tính để bàn nhãn hiệu BenQ, 01 CPU nhãn hiệu VIETTECH, 01 bàn phím máy vi tính để bàn nhãn hiệu MEETION, 01 con chuột máy vi tính nhãn hiệu FUHLEN đã qua sử dụng thu giữ tại Trần Văn L đây là tài sản do phạm tội mà có.

[8]. *Về án phí*: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trần Văn L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/3/2024.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 122, 123, 127, 131 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Văn L phải hoàn trả cho anh Nguyễn Ngọc Đ số tiền 5.300.000 đồng. Kể từ ngày anh Nguyễn Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án nêu Trần Văn L không thi hành được, thì hàng tháng Trần Văn L còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

“...Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 màn hình máy vi tính để bàn nhãn hiệu BenQ, 01 CPU nhãn hiệu VIETTECH, 01 bàn phím máy vi tính để bàn nhãn hiệu MEETION, 01 con chuột máy vi tính nhãn hiệu FUHLEN đã qua sử dụng thu giữ tại Trần Văn L.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2024 giữa cán bộ Công an thành phố H1 và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- CQĐT CATP Hà Tĩnh;
- T.H.A.P.T;
- Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- CQTHADS T.P Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng